TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 1053**/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 24-11-2017
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 120/2017/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 648/2017/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2507/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Ông Lương Nguyễn Anh D, sinh năm 1978 (Có mặt)
Địa chỉ: đường Q, Phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1977 (Có mặt)
Địa chỉ: đường Q, Phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lương Nguyễn Anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên ông Lương Nguyễn Anh D trình bày như sau:

Ông và bà Nguyễn Thu T tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 54 quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân Phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh do bà T bận rộn công việc, không giành nhiều thời gian cho gia đình, ông phải một mình chăm lo cho con. Hai người đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau và sống ly thân hơn một năm nay, ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thu T.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thu T có 02 con chung là trẻ Lương Nguyễn Mai A, giới tính: Nữ, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2008 và trẻ Lương Nguyễn Xuân P, giới tính: Nam, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2011. Ông đồng ý giao cả 02 con chung cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng, ông và bà T tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, bị đơn bà Nguyễn Thu T trình bày:

Bà xác nhận nội dung ông D trình bày về quan hệ hôn nhân và về con chung là đúng. Bà và ông D đã quen biết, tìm hiểu trong thời gian 03 năm, trải qua nhiều khó khăn rồi mới tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn, trong thời gian hơn 10 năm chung sống tại gia đình chồng, bà luôn làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ, người con dâu trong gia đình. Bà thừa nhận đôi khi vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng về cách nuôi dạy con nhưng không nghiêm trọng. Bà vẫn còn yêu thương chồng nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 648/2017/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 141, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 6, điểm a Khoản 1 Điều 24, điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lương Nguyễn Anh D đối với bà Nguyễn Thu T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 9 năm 2017, nguyên đơn ông Lương Nguyễn Anh D có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết vấn đề về con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và trình bày lí do kháng cáo như sau: Cuộc hôn nhân giữa ông và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đã qua nhiều lần hòa giải tại tòa án cấp sơ thẩm nhưng không thành; vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T; giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về vấn đề cấp dưỡng, ông và bà T sẽ tự thỏa thuận với nhau. Ông đồng ý để bà T cùng các con tiếp tục sinh sống tại nhà ông để các con được nuôi dạy tốt.

Bị đơn bà Nguyễn Thu T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn với lí bà vẫn còn tình cảm với chồng, trong cuộc sống hôn nhân bà luôn cố gắng chăm lo tốt cho gia đình. Tuy bà và ông D có mâu thuẫn nhưng không gay gắt, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Tòa sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở nhận định giữa nguyên đơn và bị đơn mặc dù có tồn tại mâu thuẫn vợ chồng, nhưng do hai bên chưa thực sự cố gắng tạo cơ hội để tìm giải pháp khắc phục nên mới dẫn đến việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Do mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa nguyên và bị đơn chưa ở mức độ trầm trọng, việc Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh không giải quyết cho ly hôn là phù hợp, đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lương Nguyễn Anh D làm trong thời hạn luật định phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Ông Lương Nguyễn Anh D và bà Nguyễn Thu T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, đã được Ủy ban nhân dân Phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54 quyển số 01/2004 ngày 23 tháng 9 năm 2004 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa hai người có 02 con chung là trẻ Lương Nguyễn Mai A, sinh năm 2008 và Lương Nguyễn Xuân P, sinh năm 2011.

Do cảm thấy vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông Lương Nguyễn Anh D khởi kiện yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thu T; Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo cho rằng mâu thuẫn vợ chồng ông đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông về quan hệ hôn nhân và về vấn đề con chung.

[2] Lí do nguyên đơn đưa ra để yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là ông không còn tình cảm với bà T. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bị đơn và sự thừa nhận của nguyên đơn thì mâu thuẫn vợ chồng không có gì gay gắt, trầm trọng; bà T còn thương yêu chồng, ngoài thời gian làm việc thì chăm sóc tốt cho con và bố mẹ chồng, luôn làm tròn trách nhiệm của người phụ nữ đối với gia đình.

Xét, giữa nguyên đơn và bị đơn vẫn còn tình nghĩa vợ chồng, mỗi người đều tôn trọng lẫn nhau, không ai có hành vi vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng; hai người luôn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do vậy, Tòa sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để tạo điều kiện cho các bên có thêm thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng là có cơ sở và phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện tại của hai người; cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm như luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 19, 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của nguyên đơn ông Lương Nguyễn Anh D vì làm trong thời hạn luật định.

II. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 648/2017/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Nguyễn Anh D: Không giải quyết cho ông Lương Nguyễn Anh D ly hôn bà Nguyễn Thu T.

III. Về án phí: Nguyên đơn ông Lương Nguyễn Anh D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông D đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0001277 ngày 26 tháng 4 năm 2017 và số 0001694 ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND Quận M, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận M, Tp. HCM;
- UBND Phường S, Quận M, Tp. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN**	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lê Phan Thị Minh Nguyệt	**Võ Thị Mỹ Hạnh**	**Nguyễn Văn Tuấn**